TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CẨM GIÀNG** **TỈNH HẢI DƯƠNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Án số: 36/2018/HSST
Ngày: 06/6/2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CẨM GIÀNG - HẢI DƯƠNG

- Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Vũ Thị My.

- Thư ký Toà án ghi biên bản phiên toà: Bà Vũ Thị Xuân, thư ký Tòa án nhân dân (viết tắt là TAND) huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương.

***- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân(viết tắt là VKSND) huyện Cẩm Giàng tham gia phiên toà*:** Bà Khương Thị Lơ , Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cẩm Giàng, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai theo thủ tục rút gọn vụ án hình sự thụ lý số 37/2018/TLST- HS ngày 21/5/2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 37/2018/QĐXXST - HS ngày 31 tháng 5 năm 2018, đối với các bị cáo:

1. Trần Văn P, sinh năm 1983; tại xã MT, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh; ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn ĐT, xã MT, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần Văn K và bà Nguyễn Thị M (đều đã chết); có vợ là Nguyễn Thị H, có 02 con, con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh 2007; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/4/2018 đến ngày 14/4/2018 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt ;

2. Đặng Đình T, sinh năm 1978; tại xã MT, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh; ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn NT, xã MT, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đặng Quang Trung và bà Vũ Thị L; có vợ là Nguyễn Thị Th, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2000, con nhỏ nhất sinh 2014; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/4/2018 đến ngày 14/4/2018 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt ;

3. Phùng Văn T2, sinh năm 1982; tại xã ĐC, huyện CG, tỉnh Hải Dương; ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn XK, xã ĐC, huyện CG, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phùng Văn M2 (đã chết) và bà Nguyễn Thị B; có vợ là Hồ Thị Nh,có 01 con sinh năm 2016; tiền án, tiền sự: không; bị cáo

bị tạm giữ từ ngày 11/4/2018 đến ngày 14/4/2018 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt ;

4. Hồ Văn Ch, sinh năm 1982; tại xã ĐC, huyện CG, tỉnh Hải Dương; ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn XK, xã ĐC, huyện CG, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hồ Xuân V và bà Cao Thị Hư; có vợ là Nguyễn Thị L2, có 02 con, con lớn sinh năm 2012, con nhỏ sinh 2015; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/4/2018 đến ngày 14/4/2018 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt ;

5.Phạm Anh T3, sinh năm 1997; tại xã PNL, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên; ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn CK, xã PNL, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn Đ và bà Trần Thị Á; chưa có vợ, con ; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/4/2018 đến ngày 14/4/2018 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt ;

6. Nguyễn Xuân L3, sinh năm 1978; tại xã MT, huyện LT tỉnh Bắc Ninh; ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn NT, xã MT, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 4/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Minh Đạ (đã chết) và bà Phạm Thị S; có vợ là Vương Thị Th2, có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2009, con nhỏ nhất sinh 2013; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/4/2018 đến ngày 14/4/2018 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt ;

7. Phạm Văn H3, sinh năm 1974; tại xã PNL, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên; ĐKHKTT và nơi cư trú tỉnh Hưng Yên; ĐKHKTT và nơi cư trú: Thôn CK, xã PNL, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: không; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn H1 (đã chết) và bà Lưu Thị B; có vợ là Đặng Thị Th3, có 02 con, con lớn sinh năm 2011, con nhỏ sinh 2013; tiền án, tiền sự: không; bị cáo bị tạm giữ từ ngày 11/4/2018 đến ngày 14/4/2018 được thay thế bằng biện pháp Cấm đi khỏi nơi cư trú, hiện tại ngoại, có mặt ;

Người bào chữa cho bị cáo Phạm Văn H3: Bà Nguyễn Thị L4 - Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Hải Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Chiều ngày 11/4/2018, Đặng Đình T, Phùng Văn T2, Phạm Anh T3, Nguyễn Xuân L3 và Phạm Văn H3 đến xưởng thu mua cà rốt MP, ở thôn AP, xã ĐC, huyện CG, tỉnh Hải Dương để bốc vác thuê. Trong khi chờ xe đến lấy hàng đã rủ nhau đánh bạc trái phép, sát phạt nhau bằng tiền dưới hình thức đánh Liêng. Tất cả thống nhất cách thức chơi như sau: Dùng bộ bài tú lơ khơ 52 quân, mỗi người chơi phải đặt số tiền 10.000đ vào gà, rồi người cầm cái cầm bộ bài chia cho mỗi người chơi ba quân bài và là người được tố trước, nếu không tố thì những người bên cạnh sẽ được tố theo thứ tự từ trái sang phải, nếu không theo tố thì úp bài xuống, người nào theo thì đặt tiếp số tiền theo tố vào gà nhưng không quá 50.000đ, người úp bài sẽ bị mất 10.000đ đã đặt vào gà trước đó, còn những người theo tố sẽ so điểm với nhau, ai nhiều điểm nhất là thắng, sẽ được thu cả tiền của mọi người. Nếu bài người chơi có 3 quân liền kề nhau không cần cùng chất theo thứ tự tăng dần là Liêng; A là to nhất của Liêng rồi thứ tự đến K, Q…, ngoài ra 3 quân cùng hàng gọi là Sáp, trong đó 3 quân A là to nhất, 3 quân 2 là nhỏ nhất. Nếu không có Liêng hoặc Sáp thì những người chơi sẽ cộng và tính điểm 3 quân bài trên tay theo quy ước 10, J, Q, K là 0 điểm; A là 1 điểm, 2 là 2 điểm … 9 là 9 điểm. Bài có tổng số điểm là 9 là to nhất; trường hợp có hai hoặc nhiều người bằng điểm nhau thì tính đến chất theo thứ tự rô, cơ, tép, bích. A là to nhất rồi đến K, Q … và 2 là nhỏ nhất. Người thắng ván trước sẽ là người cầm cái và chia bài ván sau.

Khoảng 13 giờ cùng ngày, các bị cáo bắt đầu đánh bạc tại kho lạnh của xưởng. Đánh được khoảng 15 phút thì Hồ Văn C đến làm và tham gia đánh bạc. Đến khoảng 14 giờ 30 phút thì Trần Văn P đến và cùng tham gia đánh bạc. Các bị cáo đánh bạc đến 14 giờ 45 phút cùng ngày, thì bị Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cẩm Giàng phát hiện, bắt quả tang; thu giữ tại chiếu bạc số tiền 2.800.000đ và 01 bộ bài tú lơ khơ 52 quân; thu giữ trong người Đặng Đình T 800.000đ, Hồ Văn C 1.190.000đ; Phùng Văn T2 500.000đ và Trần Văn P 9.500.000. Tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc là 14.790.000đ bao gồm (thu trên chiếu bạc là 2.800.000đ và thu giữ trong người các con bạc 11.990.000đ).

Các bị cáo khai nhận đã dùng số tiền để đánh bạc gồm: Trần Văn P 10.000.000đ; Đặng Đình T 2.400.000đ; Hồ Văn C 1.700.000đ; Phùng Văn T2 670.000đ; Phạm Anh T3 380.000đ; Nguyễn Xuân L3 250.000đ; Phạm Văn H3 200.000đ;

Tại Quyết định truy tố theo thủ tục rút gọn số 38/VKS - HS ngày 18/5/2018, VKSND huyện Cẩm Giàng đã truy tố các bị cáo Trần Văn P; Đặng Đình T; Hồ Văn C; Phùng Văn T2; Phạm Anh T3; Nguyễn Xuân L3 và Phạm Văn H3 về tội " Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự.

Tại phiên toà, các bị cáo đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra. Các bị cáo đều xác định số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc bao gồm thu giữ tại chiếu bạc và thu trong

người các bị cáo tổng số là 14.790.000đ, Viện kiểm sát truy tố các bị cáo tội đánh bạc là đúng, đều đề nghị HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Kiểm sát viên thực hành quyền công tố giữ nguyên quan điểm như Quyết định truy tố và đề nghị:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Trần Văn P; Đặng Đình T; Hồ Văn C; Phùng Văn T2; Phạm Anh T3; Nguyễn Xuân L3 và Phạm Văn H3 phạm tội " Đánh bạc".

2. Về hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 BLHS đối với Trần Văn P;

Xử phạt: Trần Văn P từ 08 đến 10 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 16 đến 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 BLHS đối với Đặng Đình T;

Xử phạt: Đặng Đình T từ 07 đến 08 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 14 đến 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 BLHS đối với Hồ Văn C;

Xử phạt: Hồ Văn C 06 đến 07 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách từ 12 tháng đến 14 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao Trần Văn P, Đặng Đình T cho UBND MT, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh; giao Hồ Văn C cho UBND xã ĐC, huyện CG, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1,2,3 Điều 36 BLHS đối với Phùng Văn T2

Xử phạt: Phùng Văn T2 từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 3 ngày tạm giữ bằng 9 ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND xã ĐC, huyện CG, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo Phùng Văn T2 sung quỹ nhà nước. Thời hạn bị khấu trừ thu nhập hàng tháng bằng thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

-Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1,2,3 Điều 36 BLHS đối với Phạm Anh T3;

Xử phạt: Phạm Anh T3 từ 12 tháng đến 15 cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 3 ngày tạm giữ bằng 9 ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho

UBND xã PNL, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ từ 5% đến 10% thu nhập hàng tháng của bị cáo Phạm Anh T3 sung quỹ nhà nước. Thời hạn bị khấu trừ thu nhập hàng tháng bằng thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; khoản 1,2,3 Điều 36 BLHS đối với Phạm Văn Hù ;

Xử phạt: Phạm Văn H3 từ 12 tháng đến 15 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 3 ngày tạm giữ bằng 9 ngày cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo cho UBND xã PNL, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Văn H3.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 17; Điều 58, Điều 35 BLHS đối với Nguyễn Xuân L3;

Xử phạt: Nguyễn Xuân L3 từ 25 đến 30 triệu đồng sung quỹ nhà nước.

3. **Về hình phạt bổ sung:** Không áp dụng

4. **Về án phí:** Các bị cáo Trần Văn P; Đặng Đình T; Hồ Văn C; Phùng Văn T2; Phạm Anh T3; Nguyễn Xuân L3, mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm; Miễn án phí cho bị cáo Hù.

Người bào chữa cho bị cáo H3 nhất trí về tội danh, điều luật áp dụng đối với bị cáo theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Đề nghị Tòa án xem xét bị cáo bị cáo H3 có nhân thân tốt phạm tội tính chất ít nghiêm trọng bản thân thuộc hộ nghèo, không biết chữ, nhận thức pháp luật còn hạn chế nên đề nghị cho bị cáo H3 mức hình phạt cải tạo không giam giữ, miễn khấu trừ thu nhập hàng tháng và án phí.

Các bị cáo nói lời sau cùng đề nghị TA xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên toà, Tòa án nhận định như sau:

[1] Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Cẩm Giàng, Điều tra viên, VKSND huyện Cẩm Giàng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của BLTTHS. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định của Cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi của các bị cáo: Lời khai của các bị cáo Trần Văn P; Đặng Đình T; Hồ Văn C; Phùng Văn T2; Phạm Anh T3; Nguyễn Xuân L3 và Phạm Văn H3 tại phiên tòa phù hợp nhau, phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan Điều tra, phù hợp các tài liệu khác có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 11/4/2018 tại kho lạnh xưởng thu mua cà rốt của chị HAP, thuộc thôn AP, xã ĐC, huyện CG, tỉnh Hải Dương, các bị cáo Trần Văn P; Đặng Đình T; Hồ Văn C; Phùng Văn T2; Phạm Anh T3; Nguyễn Xuân L3 và Phạm Văn H3 cùng nhau đánh bạc với hình thức đánh Liêng, sát phạt nhau bằng tiền, tổng số tiền các bị cáo dùng để đánh bạc trong vụ án này là 14.790.000đ.

Các bị cáo đều là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi đánh bạc bằng hình thức đánh Liêng với mục đích được thua bằng tiền, không được Nhà nước cho phép là vi phạm pháp luật nhưng cầu may rủi, muốn chuyển tài sản của người khác thành tài sản của mình một cách nhanh chóng không hợp pháp nên đã cùng cố ý thực hiện tội phạm. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trật tự an toàn công cộng, xâm phạm đến trật tự nếp sống văn minh của xã hội mà còn là nguyên nhân làm nảy sinh nhiều loại tội phạm khác. Vì vậy hành vi của các bị cáo P, T, T2, C, T3, L3 và H3 đã đủ yếu tố cấu thành tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 321 Bộ luật hình sự. VKSND huyện Cẩm Giàng truy tố các bị cáo với tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về vai trò, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS đối với các bị cáo: Tuy các bị cáo cùng thống nhất việc đánh bạc nhưng không có sự phân công vị trí, vai trò cụ thể cho từng người và giữa những người đánh bạc không có sự cấu kết chặt chẽ với nhau nên thuộc trường hợp đồng phạm giản đơn, cần xác định vị trí vai trò của từng bị cáo trong vụ án để quyết định hình phạt tương ứng với vai trò của từng bị cáo.

Bị cáo P sử dụng số tiền 10.000.000đ; T sử dụng 2.400.000đ; C sử dụng 1.700.000đ; T2 sử dụng 670.000đ; T3 sử dụng 380.000đ; Lư sử dụng 250.000đ và Hsử dụng 200.000đ để đánh bạc. Vì vậy, bị cáo P giữ vai trò thứ nhất, bị cáo T giữ vai trò thứ hai, bị cáo C giữ vai trò thứ ba; các bị cáo T2, T3, H3 và L3 có vai trò ngang nhau xếp vị trí sau cùng trong vụ án.

- Về nhân thân: Các bị cáo đều chưa có tiền án, tiền sự.

- Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo không có.

- Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Các bị cáo Trần Văn P; Đặng Đình T; Hồ Văn C; Phùng Văn T2; Phạm Anh T3; Nguyễn Xuân L3 và Phạm Văn H3 đều phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; quá trình điều tra và tại phiên tòa thành khẩn khai báo nên được tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 BLHS.

Bị cáo Phùng Văn T2 và Đặng Đình T có bố đẻ là thương binh; bị cáo Nguyễn Xuân L3 có bố đẻ được nhà nước tặng thưởng huân chương nên Bị cáo T2, T và L3 đều được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo khoản 2 Điều 51 BLHS.

[4]Về hình phạt:

Xét số tiền các bị cáo dùng đánh bạc không nhiều, thời gian đánh bạc không dài, mức sát phạt không lớn. Các bị cáo đều là người lao động, nhất thời phạm tội. có nhiều tình tiết giảm nhẹ TNHS và đều có nơi cư trú ổn định nên không bắt các bị cáo phải cách ly xã hội để chấp hành hình phạt tù cũng không nguy hiểm cho xã hội, cũng đủ tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung có hiệu quả mà không ảnh hưởng xấu đến cuộc đấu tranh, phòng chống tội phạm này trong tình hình hiện nay.

Căn cứ các Điều 35, Điều 36, Điều 65 BLHS Tòa án áp dụng hình phạt tù cho hưởng án treo đối với các bị cáo P, T, C; áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ đối với bị cáo T2, T3, H3; do bị báo L3 có vai trò thấp có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cần áp dụng hình phạt tiền là hình phạt chính đối với bị cáo Lư, cũng đủ tác dụng giáo dục và răn đe đối với các bị cáo.

[5]Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo P, T, C, T2, T3 đều không có nghề nghiệp ổn định, kinh tế khó khăn, không có tài sản riêng nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo P, T, C, T2, T3. Bị cáo H3 là thuộc hộ nghèo nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền và miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo H3 trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ. Bị cáo L3 bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo L3.

[6] Đối với chị HAMP là chủ xưởng thu mua cà rốt, không biết các bị cáo đánh bạc tại xưởng của mình nên không có căn cứ xử lý.

[7]Về xử lý vật chứng:

- Số tiền 14.790.000đ là tiền các bị cáo sử dụng để đánh bạc nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- 01 bộ bài tú lơ khơ gồm 52 quân là công cụ các bị cáo dùng để phạm tội không có giá trị kinh tế nên cần tịch thu cho tiêu hủy.

[8]Về án phí: Các bị cáo bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo luật định. Bị cáo H3 là người thuộc hộ nghèo nên được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của UBTV Quốc Hội.

Vì những lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

1.Tuyên bố: Các bị cáo Trần Văn P; Đặng Đình T; Hồ Văn C; Phùng Văn T2; Phạm Anh T3; Nguyễn Xuân L3 và Phạm Văn H3 phạm tội Đánh bạc.

2. Về hình phạt chính:

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 BLHS đối với Trần Văn P;

Xử phạt: Trần Văn P 10 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 20 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 BLHS đối với Đặng Đình T;

Xử phạt: Đặng Đình T 08 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 16 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1, 2 Điều 65 BLHS đối với Hồ Văn C;

Xử phạt: Hồ Văn C 06 tháng tù cho hưởng án treo, thử thách 12 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm và thực hiện các nghĩa vụ trong thời gian thử thách theo quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Giao Trần Văn P, Đặng Đình T cho UBND xã MT, huyện LT, tỉnh Bắc Ninh; giao Hồ Văn C cho UBND xã ĐC, huyện CG, tỉnh Hải Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp các bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 Luật thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58; khoản 1,2,3 Điều 36 BLHS đối với Phùng Văn T2.

Xử phạt: Phùng Văn T2 15 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 3 ngày tạm giữ bằng 9 ngày cải tạo không giam giữ. Buộc bị cáo T2 phải chấp hành 14 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, tính từ ngày UBND xã ĐC, huyện CG, tỉnh Hải Dương nhận được quyết định thi hành án và trích lục bản án. Giao bị cáo cho UBND xã xã ĐC, huyện CG, tỉnh Hải Dương nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo Phùng Văn T2 sung quỹ nhà nước. Thời hạn bị khấu trừ thu nhập hàng tháng bằng thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1,2,3 Điều 36 BLHS đối với Phạm Anh T3;

Xử phạt: Phạm Anh T3 15 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 3 ngày tạm giữ bằng 9 ngày cải tạo không giam giữ. Buộc bị cáo T3 phải chấp hành 14 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, tính từ ngày UBND xã PNL, huyện KĐ,

tỉnh Hưng Yên nhận được quyết định thi hành án và trích lục bản án. Giao bị cáo cho UBND xã PNL, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Khấu trừ 5% thu nhập hàng tháng của bị cáo Phạm Anh T3 sung quỹ nhà nước. Thời hạn bị khấu trừ thu nhập hàng tháng bằng thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i,s khoản 1 Điều 51; Điều 58; khoản 1,2,3 Điều 36 BLHS đối với Phạm Văn Hù ;

Xử phạt: Phạm Văn H3 15 tháng cải tạo không giam giữ, nhưng được trừ 3 ngày tạm giữ bằng 9 ngày cải tạo không giam giữ. Buộc bị cáo H3 phải chấp hành 14 tháng 21 ngày cải tạo không giam giữ, tính từ ngày UBND xã xã PNL, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên nhận được quyết định thi hành án và trích lục bản án. Giao bị cáo cho UBND xã PNL, huyện KĐ, tỉnh Hưng Yên nơi bị cáo cư trú giám sát và giáo dục trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo Phạm Văn H3 trong thời gian chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ.

Trường hợp các bị cáo Phùng Văn T2; Phạm Anh T3 và Phạm Văn H3 thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 3 Điều 75 Luật Thi hành án hình sự.

- Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1, 2 Điều 51; Điều 58, Điều 35 BLHS đối với Nguyễn Xuân L3;

Xử phạt: Nguyễn Xuân L3 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng) sung quỹ nhà nước. Bị cáo Lư phải nộp tiền phạt một lần trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

3.Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b,c khoản 2 Điều 106 BLTTHS.

- Tịch thu sung công quỹ nhà nước số tiền 14.790.000đ đựng trong 05 phong bì niêm phong.

- Tịch thu tiêu hủy: 01(Một) bộ bài tú lơ khơ 52 quân.

Toàn bộ số vật chứng trên có tình trạng và đặc điểm theo biên bản giao nhận vật chứng giữa Công an huyện CG và Chi cục thi hành án dân sự huyện CG ngày 25/5/2018.

4. Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án;

Các bị cáo P, T, C, T2, T3, L3 mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Miễn nộp tiền án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Phạm Văn H3.

5. Các bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Cẩm Giàng;
- Công an huyện Cẩm Giàng;
- Các bị cáo;
- THADS huyện Cẩm Giàng;
- Lưu: hồ sơ; Văn phòng TAND huyện Cẩm Giàng.

THẨM PHÁN

(đã lý)

Vũ Thị Mỵ